

Số: 28/2021/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Lợi, ngày 16 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở hiện nay: Phường Đ, Quận V, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh **Trần B**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn A và anh Trần B.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn A và anh Trần B thuận tình ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Chị Nguyễn A và anh Trần B thống nhất giao cháu Trần K ngày 12/4/2019 cho anh Trần B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; (hiện cháu Trần K đang sống chung với anh Trần B).

Chị Nguyễn A không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần B không yêu cầu chị Nguyễn A cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn A và anh Trần B thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Nguyễn A và anh Trần B mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị Nguyễn A tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Nguyễn A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0008566 ngày 08/3/2021, chuyển thu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Nguyễn A được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- UBND xã L, huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Trang Thảo